

PHỤ LỤC I

Quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất đá làm cản cứ xác định học sinh cấp tiểu học không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Xã, phường	Xã, phường g thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Tiểu học	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 2km đến dưới 4km (ĐVT: Km)	Ghi chú
1	Xã Bum Nưa	III	Bum		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bum Nưa	2	
			Nà Lang	ĐBKk		2	
			Khoang Thèn	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học PaVệ Sù	3,5	
2	Xã Phong Thổ	III	Can Thàng	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Luông	3,8	
3	Phường Tân Phong	I	Sáy San IV		Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Nùng Nàng	2	
4	Xã Sin Suối Hồ	III	Điểm bản Na Đông (Bản cũ)	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu Học Thèn Sin	4	
			Sin Câu	ĐBKk		3,7	
5	Xã Khổng Lào	III	Nà Giang	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở số 2 Bản Lang	2,7	
			Nậm Và		Trường PTDTB Tiểu học Hoang Thèn	3,3	
6	Xã Đào San	III	Cò Ký	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Tung Qua Lìn	3,5	
			Căng Ký	ĐBKk		2,3	
			Căng Há	ĐBKk		2	
			Sín Chải	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học Đào San	2	
			U Ní Chải	ĐBKk		2	
			Lèng Chư	ĐBKk		3,1	
			Khoa San	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học Mù Sang	3,1	
7	Phường Đoàn Kết	I	Suối Thầu	ĐBKk	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sùng Phài	2	
8	Xã Bình Lư	II	46	ĐBKk	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sơn Bình	2	
			Nậm Dê			3	
9	Xã Sỉ Lở Lầu	III	Nhóm 1	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học Vàng Ma Chải	3,8	
			Nhóm 2	ĐBKk		3,5	
			Nhóm 3	ĐBKk		3,1	
			Tả Phùng	ĐBKk		3	
			Tô Y Phìn	ĐBKk	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỏ Sỉ San	3,5	
			Séo Hồ Thầu	ĐBKk		3,4	
			Gia Khâu	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học Sỉ Lở Lầu	3	
			Phố Vây	ĐBKk		3,9	
			Tỷ Phùng	ĐBKk		3,7	
			Sín Chải	ĐBKk		3	
			Thà Giàng	ĐBKk		2,5	
			Hang Ế	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Pa Vây Sừ	3,2	
			Trung Chải	ĐBKk		3,5	

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Tiểu học	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 2km đến dưới 4km (ĐVT: Km)	Ghi chú
10	Xã Tả Lềng	III	Xin Chải		Trường PTDTBT Tiểu học Giang Ma	3,5	
			Sín Câu			3,5	
			Sử Thàng			3	
			Bãi Bằng			3,5	
			Mão Phô			3	
			Phìn Chải			3,5	
			Chù Lìn	ĐBKK	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hồ Thầu	3,9	
			Gia Khâu	ĐBKK		3,8	
			Nhiều sang	ĐBKK		3	
			Phô Hồ Thầu	ĐBKK		3	
			Rừng Ôi Khèo Thầu	ĐBKK		3	
11	Xã Pa Ủ	III	Thăm Pa	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Pa Ủ	2	
12	Xã Khoen On	III	On 1		Trường PTDTBT Tiểu học Khoen on	2,5	
13	Xã Tủa Sín Chải	III	Lùng Sử Phìn	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Tả Ngáo	2,5	
			Điểm nhóm Sang Sông Hồ -Bản Hồ Suối Tổng	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Làng Mỏ	2	
			Điểm nhóm Làng Mỏ cũ - Bản Làng Mỏ	ĐBKK		3,5	
			Điểm nhóm Pê Si Ngai-Bản Ngai San	ĐBKK		3,5	
14	Xã Pắc Ta	III	Mít Thái	ĐBKK	Trường Tiểu học Pắc Ta	4,5	
			Lầu	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Hồ Mít	3	
15	Xã Sín Hồ	III	Sang Tắng Ngai	ĐBKK	PTDTBT Tiểu học Phăng Sô Lin	3,1	
16	Xã Mường Kim	III	Huổi Bắc		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Pha Mu	2	
			Chít			2	
			Điểm Phái Lao - Bản Hồ Ta	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	3	
			Điểm cuối Bản Tà Mung	ĐBKK		2,5	
17	Xã Hồng Thu	III	Can Tỷ 3	ĐBKK	Trường Tiểu học Ma Quai	2,5	
			Làng Sáng	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Phăng Sô Lin	3,3	
18	Xã Mù Cả	III	Má Ký	ĐBKK	Điểm trung tâm - Trường PTDTBT Tiểu học Mù Cả	3,3	
19	Xã Mường Mô	III	Giăng		Trường PTDTBT Tiểu học Mường Mô	3,5	
20	Xã Pu Sam Cáp	III	Nà Phán	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Pu Sam Cáp	3,3	
			Hồ Sín Pán	ĐBKK		3	
21	Xã Pa Tẩn	III	Trung Chải	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Trung Chải	2	
22	Xã Thu Lùm	III	Lò Ma	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Ka Lăng	3,3	
			Y Ka Đa	ĐBKK	Điểm trường Lé Ma - Trường PTDTBT Tiểu học Ka Lăng	3,6	
			Gò Khả	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học Thu Lùm	3,3	

Ghi chú: Các thôn/bản/tổ dân phố ĐBKK, các xã/phường thuộc khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu.

PHỤ LỤC II

Quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất đá làm căn cứ xác định học sinh cấp trung học cơ sở không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Trung học cơ sở	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 3km đến dưới 7km (ĐVT: Km)	Ghi chú
1	Xã Bum Nưa	III	Nà Hừ 1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bum Nưa	4	
			Khoang Thên	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Pa Vê Sù	4	
			Pá Hạ	ĐBKK		3,5	
2	Xã Phong Thổ	III	Pờ Ma Hồ		Trường PTDTBT Trung học cơ sở Ma Li Pho	6,5	
			Thên Xin			5,5	
			Sòn Thầu 1	ĐBKK		4,5	
			Sòn Thầu 2			3,3	
			La Vân	ĐBKK		5	
			U Gia			6,5	
			Can Thàng	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Huổi Luông	3,8	
			Ma Lù Thàng 1	ĐBKK		4	
			Ma Lù Thàng 2	ĐBKK		6	
3	Xã Bản Bo	III	Điểm Khun Đôi - Bản Phiêng Tiên	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Bản Bo	6	
			Nà Út	ĐBKK		6,5	
4	Xã Bum Tở	III	Tà Phìn	ĐBKK	Trường TPTDTBT Tiểu học & Trung học cơ sở Bum Tở	4,5	
			Chà Dì	ĐBKK	Trường TPTDTBT Tiểu học & Trung học cơ sở Bum Tở	5,0	
5	Xã Tà Tổng	III	Cô Lô Hồ		Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Tà Tổng	6,2	
6	Phường Tân Phong	I	Điểm cuối - Bản Sáy San IV		Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Nùng Nàng	3	
7	Xã Khun Há	III	Đồng Pao 1	ĐBKK	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bản Hôn	6,3	
8	Xã Sin Suối Hồ	III	Sin Câu	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Thên Sin	3,7	
			Chí Sáng	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Sin Suối Hồ	6	
			Điểm cuối bản Cấn Câu (Bản Cấn Câu cũ)	ĐBKK		6,4	
9	Xã Khổng Lào	III	Má Nghé	ĐBKK	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở số 1 Bản Lang	4	
			Giao Chán	ĐBKK		6	
			Nậm Khay		Trường Trung học cơ sở Khổng Lào	6,3	
			Sàng Giang	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở số 2 Bản Lang	4,5	
			Nà Đoong	ĐBKK		5	

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Trung học cơ sở	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 3km đến dưới 7km (ĐVT: Km)	Ghi chú
10	Xã Đào San	III	Cò Ký	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Tung Qua Lin	3,5	
			Dền Thàng A	ĐBKk	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Đào San	5	
			Dền Thàng B	ĐBKk		4	
			Sênh Sáng A	ĐBKk		4	
			Hờ Mèo	ĐBKk		5	
			Hợp 1	ĐBKk		3,2	
			Lềng Chư	ĐBKk		4	
			Sênh Sáng B	ĐBKk		4	
			Khoa san	ĐBKk	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Mù Sang	6,3	
			Tà Tê	ĐBKk		3,2	
			Can Chu Dao	ĐBKk		3,4	
			Tung Chung Vang	ĐBKk		3,1	
			Sin Chải	ĐBKk		6,4	
11	Xã Nậm Hàng	III	Nhóm 3 - Bản Huổi Héo	ĐBKk	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Nậm Manh	6,5	
			Huổi Pét	ĐBKk	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Nậm Hàng	4	
12	Phường Đoàn Kết	I	Tà Chải	ĐBKk	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sùng Phái	4,3	
13	Xã Bình Lư	II	Huổi Ké	ĐBKk	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sơn Bình	5	
			Chu Va 6			5	
			Chu Va 8			4	
14	Xã Sì Lở Lầu	III	Nhóm 1	ĐBKk	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Vàng Ma Chải	3	
			Nhóm 2	ĐBKk		3,5	
			Nhóm 3	ĐBKk		3,1	
			Hoang Thên	ĐBKk		5	
			Tả Phùng	ĐBKk		3	
			Tả Ô	ĐBKk		5,5	
			Tô Y Phìn	ĐBKk	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỏ Sì San	3,5	
			Séo Hồ Thầu	ĐBKk		3,4	
			Gia Khâu	ĐBKk	Trường Trung học cơ sở Sì Lở Lầu	3	
			Mới	ĐBKk		5	
			Phố Vây	ĐBKk		3,9	
			Tả Chải	ĐBKk		4,5	
			Tý Phùng	ĐBKk		3,7	
			Sin Chải	ĐBKk		3	
			Lao Chải	ĐBKk		3,4	
			Hang É	ĐBKk	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Pa Vây Sừ	3,2	
			Trung Chải	ĐBKk		3,5	

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Trung học cơ sở	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 3km đến dưới 7km (ĐVT: Km)	Ghi chú
15	Xã Tả Lềng	III	Mão Phô		Trường Trung học cơ sở Giang Ma	4	
			Sín Câu			3,5	
			Sử Thàng			3	
			Bãi Bằng			3,5	
			Chủ Lìn	ĐBKK	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hồ Thầu	3,9	
			Đội 4	ĐBKK		5	
			Gia Khâu	ĐBKK		3,8	
			Tả Chải	ĐBKK		6	
			Nhiều sang	ĐBKK		3	
			Phô Hồ Thầu	ĐBKK		3	
			Rừng Ôi Khèo Thầu	ĐBKK		3	
			Phìn Ngan Lao Chải	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Tả Lềng	6	
			Lùng Than	ĐBKK		5	
16	Xã Pa Ủ	III	Tân Biên	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Pa Ủ	4,8	
			Nhú Ma	ĐBKK		5,2	
17	Xã Khoen On	III	Mý		Trường Trung học cơ sở Ta Gia	5,5	
			Gia			3,5	
			Mê			5	
			Co Cai			4	
			Ten Co Mư			5	
18	Xã Tủa Sín Chải	III	Tả Cù Nhè	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Làng Mỏ	5,5	
			Điểm nhóm Mỏ đá Làng Mỏ (bản Làng Mỏ)	ĐBKK		6,5	
			Điểm nhóm Lù Suối Tổng - Bản Hồ Suối Tổng	ĐBKK		4	
			Điểm nhóm Làng Mỏ cũ - Bản Làng Mỏ	ĐBKK		3,5	
			Ngải San	ĐBKK		5,5	
			Tù Cù Phìn	ĐBKK		4	
			Seo Sáng	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Tả Ngảo	5	
			Chang Pa Phòng	ĐBKK		5,7	
			Ha Vu Chứ	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Tủa Sín Chải	5	
			Pu Chu Phìn	ĐBKK		4,9	

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Trung học cơ sở	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 3km đến dưới 7km (ĐVT: Km)	Ghi chú
19	Xã Nậm Sỏ	III	Hua Cá	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Nậm Sỏ	5,5	
			Hua Ngò	ĐBKK		3	
			Tho Ló			3,1	
			Đán Tuyển	ĐBKK		4	
			Nậm Sỏ	ĐBKK		5	
			Nà Lào	ĐBKK		6	
20	Xã Pắc Ta	III	Nà Sắng	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Pắc Ta	4,5	
			Quyết Tiến			3,8	
			Mít Thái	ĐBKK		5,1	
			Khau Giường	ĐBKK		4,8	
			Lầu	ĐBKK		5,4	
			Khau Giường	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Hố Mít	6,5	
			Điểm cuối - Bản Lầu	ĐBKK		4	
			Tà Hừ	ĐBKK		6	
21	Xã Sìn Hồ	III	Sang Tăng Ngai	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Phăng Sô Lin	3,9	
22	Xã Mường Kim	III	Xong		Trường PTDTBT Trung học cơ sở Tà Mung	5	
			Khá			6	
			Pá Liềng	ĐBKK		3	
			Nậm Mớ	ĐBKK		6	
			Đán Tọ	ĐBKK		6	
			Tu San	ĐBKK		5	
			Điểm cuối - Bản Hô Ta	ĐBKK		5	
			Điểm Phái Lao - Bản Hô Ta	ĐBKK		3	
			Pá Khôm		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Pha Mu	4,4	
23	Xã Hồng Thu	III	Phìn Hồ	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Phìn Hồ	3,3	
			Seo Lềng 1	ĐBKK		5,5	
			Trung Xung A	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Hồng Thu	3	
			Soong Cón	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Ma Quai	6,2	
			Làng Sáng	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Phăng Sô Lin	5	
			Pa Chao Ô	ĐBKK		6	
			Tà Thàng	ĐBKK		6,8	

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường Trung học cơ sở	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 3km đến dưới 7km (ĐVT: Km)	Ghi chú
24	Xã Mù Cả	III	Má Ký	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Mù Cả	3,3	
25	Xã Pu Sam Cáp	III	Nậm Béo	ĐBKK	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Pu Sam Cáp	6,3	
26	Xã Nậm Tăm	III	Nậm Kinh	ĐBKK	Trường Trung học cơ sở Nậm Tăm	5,5	
27	Xã Thu Lũm	III	Lò Ma	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Ka Lăng	3,3	
			Gò Khả	ĐBKK	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Thu Lũm	4,4	
28	Xã Nậm Cuối	III	Hua Cuối		Trường Trung học cơ sở Nậm Cuối	6,7	

Ghi chú: Các thôn/bản/tổ dân phố ĐBKK, các xã/phường thuộc khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu.

PHỤ LỤC III

Quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách trong trường hợp địa hình cách trở giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất đá làm căn cứ xác định học sinh cấp trung học phổ thông không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại nghị định số 66/2025/NĐ-CP

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường THPT	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 5km đến dưới 10km (ĐVT: Km)	Ghi chú
1	Xã Phong Thổ	III	Pờ Ngải	ĐBKk	Trường THPT Phong Thổ	6	
			Ngải Chồ 1	ĐBKk		7	
2	Xã Bản Bo	III	Coóc Noọc	ĐBKk	Trường THPT Bình Lư	8,5	
			Nà Ít			7,5	
3	Xã Khun Há	III	Chăn Nuôi	ĐBKk	Trường THPT Bình Lư	7	
4	Xã Khổng Lào	III	Má Nghé	ĐBKk	Điểm trường Mường So, Trường THPT Phong Thổ	9,1	
			Nậm Khay			6	
			Ho Sao Chải			9,5	
			Séo Lén	ĐBKk		9	
5	Xã Đào San	III	Dền Thàng A	ĐBKk	Trường THPT Đào San	5	
			Dền Thàng B	ĐBKk		8	
			Lèng Chư	ĐBKk		7	
			San Cha	ĐBKk		9	
			Xì Phài	ĐBKk		9	
			Dền Sang	ĐBKk		9	
			Cò ký	ĐBKk		5,5	
			Căng Há	ĐBKk		6	
			Căng Ký	ĐBKk		8	
			Tung Qua Lìn	ĐBKk		5	
			Sin Chải	ĐBKk		9	
6	Xã Nậm Hàng	III	Huổi Héo	ĐBKk	THPT Nậm Nhùn	8	
			Huổi Pét	ĐBKk		8	
			Huổi Chát	ĐBKk		9	
7	Phường Đoàn Kết	I	Cung Mù Phìn	ĐBKk	Điểm trường Mường So, Trường THPT Phong Thổ	7,9	
8	Xã Bình Lư	II	46	ĐBKk	Trường THPT Bình Lư	8	
			Tân Hợp			7	
			Hỏi Ke	ĐBKk		8,5	
9	Xã Tà Lèng	III	Phô Hồ Thầu	ĐBKk	Trường THPT Bình Lư	8	
			Chù Lìn	ĐBKk		8	
			Rừng Ồi Khèo Thầu	ĐBKk		8	
			Gia Khâu	ĐBKk		8	
			Nhiều Sang	ĐBKk		9	
			Sì Thầu Chải	ĐBKk		8	
10	Xã Than Uyên	I	Huổi Hăm		Trường THPT Than Uyên	8	
11	Xã Mường Kim	III	Điểm cuối - Bản Lun 1		Trường THPT Mường Kim	5	
			Lun 2			6	
			Khá			7	
			Là 1			6	
			Là 2			6	

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trường, điểm trường THPT	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 5km đến dưới 10km (ĐVT: Km)	Ghi chú
12	Xã Pu Sam Cáp	III	Pa Khóa	ĐBKK	Trường THPT Nậm Tăm	9,9	
			Hồng Quảng 1			9,3	
			Hồng Quảng 2	ĐBKK		9,5	
13	Xã Nậm Tăm	III	Nậm Cha		Trường THPT Nậm Tăm	9,2	
			Nậm Lò			9	

Ghi chú: Các thôn/bản/tổ dân phố ĐBKK, các xã/phường thuộc khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu.

PHỤ LỤC IV

Quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách trong trường hợp địa hình cách trở giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất đá làm căn cứ xác định học viên trung tâm GDNN-GDTX không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại nghị định số 66/2025/NĐ-CP

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Xã, phường	Xã, phường thuộc khu vực	Thôn/Bản/Tổ dân phố	Thôn, bản, tổ dân phố thuộc khu vực	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường từ 5km đến dưới 10km (ĐVT: Km)	Ghi chú
1	Xã Phong Thổ	III	Pờ Ngải	ĐBK	Trung tâm GDNN- GDTX Phong Thổ	6	
			Ngải Chồ 1	ĐBK		7	
2	Xã Bản Bo	III	Nà Tăm		Trung tâm GDNN- GDTX Tam Đường	8	
			Nà Vàn			7	
3	Xã Khun Há	III	Chấn Nuôi	ĐBK	Trung tâm GDNN- GDTX Tam Đường	8,9	
4	Xã Nậm Hàng	III	Huổi Pét	ĐBK	Trung tâm GDNN-GDTX Nậm Nhùn	8	
			Huổi Héo	ĐBK		9	
			Huổi Chát	ĐBK		9	
5	Xã Bình Lư	II	Huổi Ke	ĐBK	Trung Tâm GDNN-GDTX Tam Đường	7	
			Chu Va 8			8	
6	Xã Tả Lèng	III	Sì Thâu Chải	ĐBK	Trung Tâm GDNN-GDTX Tam Đường	9	
7	Xã Than Uyên	I	Huổi Hăm		Trung tâm GDNN-GDTX Than Uyên	8	
8	Xã Hồng Thu	III	Pa Chao Ô	ĐBK	Trung tâm GDNN-GDTX Sin Hồ	6	

Ghi chú: Các thôn/bản/tổ dân phố ĐBK, các xã/phường thuộc khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu.